

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 7 – 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân.

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thúy Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 345/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị E cư trú tại khóm 2, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Tr; cư trú tại khóm 2, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lâm Văn T; cư trú tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Thành K; cư trú tại ấp 5, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Mỹ A; cư trú tại số 69A, đường Trần Quang K, khóm 5, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

4. Chị Bào Thị Th; cư trú tại khóm 2, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị H; cư trú tại ấp 5, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị E và anh Huỳnh Văn Tr chung sống với nhau vào năm 1996, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức cưới gả theo phong tục. Trong thời gian chung sống, khoảng thời gian 02 năm nay giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi với nhau, cuộc sống nạnh ai nấy lo từ đó làm cho kinh tế gia đình ngày càng suy giảm dẫn đến cuộc sống gia đình thêm khó khăn nên đời sống chung giữa vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị Nguyễn Thị E xin ly hôn, anh Tr cũng đồng ý.

Về con chung, chị Nguyễn Thị E và anh Huỳnh Văn Tr khai có 01 người là Huỳnh Minh Thư, sinh ngày 16/02/1997. Hiện con đã thành niên nên khi ly hôn, anh chị không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị E và anh Huỳnh Văn Tr khai có nhưng anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phân chia nên ngày 18/7/2019, chị E rút lại yêu cầu chia tài sản chung, anh Tr cũng đồng ý với việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị E.

Về nợ chung, chị Nguyễn Thị E khai có nợ Công ty TNHH MTV Home Credit Việt Nam (gọi tắt là Công ty) số tiền 60.000.000đ, nợ anh Lâm Văn T số tiền 40.000.000đ, nợ chị Bào Thị Th số tiền 5.000.000đ, nợ anh Nguyễn Thành K số tiền 30.000.000đ, nợ chị Nguyễn Thị Mỹ A số tiền 40.000.000đ và nợ chị Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000đ. Đối với anh Tr khai nhận tất cả các khoản nợ nêu trên là nợ riêng của chị E nên khi ly hôn, anh Tr xác định không có trách nhiệm trả nợ, riêng chị E xác định các khoản nợ trên là nợ chung nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị E nhận trách nhiệm tự trả cho các chủ nợ, không yêu cầu anh Tr cùng có trách nhiệm trả nợ, hiện chị E đã trả xong cho chị Th số tiền 5.000.000đ vào ngày 22/6/2019 (âl). Đối với các chủ nợ còn lại thống nhất tự thỏa thuận với chị E, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này và xin vắng mặt trong các phiên hòa giải, xét xử. Riêng Công ty đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Công ty không cử người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng còn anh Tr do bận công việc nên xin vắng mặt trong các phiên hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, chị E và anh Tr chung sống với nhau vào năm 1996 đến nay tuy đã đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Nay chị E, anh Tr đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn thực tế được anh, chị thừa nhận là có thật. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa chị E và anh Tr không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung là Huỳnh Minh Thư, sinh ngày 16/02/1997. Hiện con đã thành niên, không mất khả năng lao động hay bệnh tật gì nên khi ly hôn, anh chị không đặt ra yêu cầu gì về con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, chị E và anh Tr khai nhận là có nhưng khi ly hôn, anh chị xác định tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết và quá trình giải quyết, chị E đã nộp đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung trước ngày mở phiên tòa xét xử, việc rút yêu cầu này cũng được anh Tr đồng ý nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc phân chia tài sản chung. Đồng thời, đình chỉ giải quyết yêu cầu trên và trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị E trong việc yêu cầu chia tài sản chung. Trường hợp sau này, chị E cùng anh Tr không thỏa thuận được với nhau thì anh, chị có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định.

[4] Về nợ chung, tuy rằng chị E và anh Tr không thống nhất với nhau về tất cả các khoản nợ nêu trên là nợ chung hay nợ riêng nhưng khi ly hôn, chị E tự nhận trách nhiệm trả các khoản nợ mà không yêu cầu anh Tr cùng có trách nhiệm trả nợ, các chủ nợ không có ý kiến gì phản đối và thực tế trong thời gian giải quyết vụ án, chị E đã trả xong số tiền nợ của chị Th điều này được chị Th thừa nhận nên khoản tiền nợ của chị Th, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với các chủ nợ còn lại không nộp đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và đã có lời khai không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án mà sẽ tự thỏa thuận, thương lượng với với nhau. Riêng Công ty TNHH MTV Home Credit Việt Nam đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Công ty không cử người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị E nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét, giải quyết khoản nợ của Công ty. Do đó, Hội đồng xét xử tách tất cả các khoản nợ của anh T, anh K, chị A, chị H và Công ty ra không xem xét trong cùng vụ án. Nếu sau này, giữa các đương sự phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được xem xét, giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ án dân sự khác.

[5] Về tố tụng: Anh T, anh K, chị Th, chị A, chị H, anh Tr đã có lời khai và xin vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử vụ án nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị E phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình với số tiền 300.000đ. Đối với án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, do chị Nguyễn Thị E rút yêu cầu nên số tiền tạm ứng án phí liên quan đến việc yêu cầu chia tài sản chung được trả lại cho chị E.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 217, 218 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị E và anh Huỳnh Văn Tr.

- Về con chung là Huỳnh Minh Thư, sinh ngày 16/02/1997. Hiện con đã thành niên nên khi ly hôn, chị Nguyễn Thị E và anh Huỳnh Văn Tr không đặt ra yêu cầu gì về con nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị E cùng anh Huỳnh Văn Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị E về việc chia tài sản chung.

- Về số tiền nợ anh Lâm Văn T, anh Nguyễn Thành K, chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị H và Công ty TNHH MTV Home Credit Việt Nam, do các chủ nợ không nộp đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị E phải chịu số tiền 300.000đ. Ngày 18/4/2019, chị E đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 4.050.000đ theo biên lai số 0002389 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ, số tiền còn lại là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) được trả lại cho chị E.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân